

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022**



*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400105091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 07 năm 2019)*

***Sơn La, tháng 04 năm 2023***

---

***Trang 1***

***Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7***

***Tiêu khu 5, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: [www.songda7.com.vn](http://www.songda7.com.vn)***

# I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7

## 1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### Giới thiệu chung

<b>Tên công ty</b>	:	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7</b>
<b>Tên Tiếng Anh</b>	:	Song Da 7 Joint Stock Company
<b>Tên viết tắt tiếng Anh</b>	:	SONGDA 7
<b>Trụ sở chính</b>	:	Tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
<b>Văn phòng đại diện</b>	:	Ô 36-V5A, khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông,  Thành phố Hà Nội
<b>Điện thoại</b>	:	024.666.80228
<b>Website</b>	:	songda7.com.
<b>Giấy CNĐKKD</b>	:	Số 5400105091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18/07/2019
<b>Mã số thuế</b>	:	5400105091
<b>Vốn điều lệ</b>	:	<b>106.000.000.000</b> (Một trăm linh sáu tỷ) đồng
<b>Mã cổ phiếu</b>	:	<b>SD7</b>

### Quá trình hình thành và phát triển

+ Thành lập : Công ty cổ phần Sông Đà 7 tiền thân là Công ty Sông Đà 7- Đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông được thành lập tháng 8 năm 1976 tại Công trường xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Bà - Yên Bái.

+ Chuyển đổi Công ty : Công ty Sông Đà 7 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sông Đà 7 theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy phép đăng ký kinh doanh số : 5400105091 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 25/02/2019.

+ Niêm yết : Công ty cổ phần Sông Đà 7 được Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và chính thức niêm yết trên sàn giao dịch Hà Nội ngày 27/12/2006 đến ngày 25/05/2018 chuyển xuống giao dịch tại sàn Upcom.

+ Các sự kiện khác:

- Từ năm 2002-2006: Công ty tham gia thi công Thủy điện Tuyên Quang có công suất 342 MW là công trình thủy điện lớn thứ 3 miền bắc tại thời điểm đó với tư cách là một trong những đơn vị thi công chính. Các hạng mục công trình do Công ty thi công được chủ đầu tư và tổng thầu đánh giá cao về tiến độ và chất lượng công trình.

- Từ năm 2004-2011: Công ty tham gia thi công 3/6 tổ máy Thủy điện Sơn La có công suất 2.400 MW là công trình Thủy điện lớn nhất Đông Nam Á. Bên cạnh đó Công ty còn được Tổng công ty Sông Đà giao nhiệm vụ là đơn vị thi công công trình Thủy điện Nậm Chiến có công suất 200 MW. Công ty đã góp phần tích cực trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công để đưa nhà máy Thủy điện Sơn La phát điện sớm 2 năm so với tiến độ đề ra.

- Từ năm 2010 đến 2017: Công ty tiếp tục được tin tưởng giao nhiệm vụ là một trong những đơn vị thi công chính Thủy điện Lai Châu có công suất 1.200 MW và là thành viên của tổ hợp nhà thầu thi công thủy điện Bản Chát có công suất 220 MW.

- Từ năm 2017 đến nay Công ty Tập trung quyết toán tại các công trình mà công ty đã thi công và tham gia làm nhà thầu chính tại Công trình thủy điện Nậm Thi 2 tại Lai Châu.

- Từ tháng 08/2018 Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 do Công ty góp vốn đã đi vào hoạt động phát điện thương mại Với Công suất 8MW. Năm 2021 Nhà máy thủy điện Nậm Thi bước đầu mang lại hiệu quả.

- Hiện nay Công ty đang tập trung vào thu vốn tại các công trình đã thi công để có vốn phục vụ mục tiêu phục hồi sản xuất kinh doanh.

## 2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

**Địa bàn kinh doanh:** Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu tại địa bàn Hà Nội, Hòa Bình và các tỉnh phía bắc.

### **Lĩnh vực hoạt động chính:**

- Xây dựng các công trình công nghiệp; công cộng, nhà ở và xây dựng khác
- Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình, tạo kiến trúc cảnh quan công trình;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 500 KV;
- Xây dựng công trình thông tin bưu điện, xây dựng hầm lò, đường hầm;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lấp đất;
- Khai thác mỏ, khoan phun, khoan phụt, gia cố địa chất công trình, xử lý chống thấm, đóng

cọc móng, khoan khai thác nước;

- Thiết kế và tư vấn, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm giấy;
- Sửa chữa cơ khí Ô Tô, xe máy;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh nhà, Bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê, môi giới, đầu giá bất động sản
- Kinh doanh, tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đầu tư, xây lắp các công trình Thủy điện vừa và nhỏ, SXKD điện thương phẩm;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa, vật tư, thiết bị, máy móc phụ tùng phục vụ thi công các công trình xây dựng

### **3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ**

**Mô hình quản trị Công ty:** Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, bao gồm:

- Cơ quan Công ty;
- Các chi nhánh trực thuộc Công ty;
- Các công ty liên kết

#### **Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và của HĐQT;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc HĐQT bổ

nhiệm Tổng Giám đốc;

- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

HĐQT gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động 05 năm trong đó có 1 thành viên không điều hành. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHCĐ, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHCĐ thông qua quyết định;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

### ***Danh sách các thành viên HĐQT:***

1. Ông **Nguyễn Hữu Doanh** Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty;
2. Ông **Trần Văn Tài** Thành viên HĐQT
3. Ông **Quất Văn Quang** Thành viên HĐQT
4. Ông **Đặng Quang Hiệu** Thành viên HĐQT ( Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)
5. Ông **Nguyễn Văn Long** Thành viên HĐQT ( Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)

## **BAN KIỂM SOÁT**

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và bãi miễn nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

***Danh sách các thành viên Ban kiểm soát:***

- |    |                             |                |                               |
|----|-----------------------------|----------------|-------------------------------|
| 1. | Ông <b>Nguyễn Thế Hoàng</b> | Trưởng BKS     | ( Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)   |
| 2. | Ông <b>Đặng Việt Hùng</b>   | Trưởng BKS     | ( Miễn nhiệm ngày 29/04/2021) |
| 3. | Ông <b>Bùi Phan Thanh</b>   | Thành viên BKS | ( Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)   |
| 4. | Ông <b>Nguyễn Anh Lam</b>   | Thành viên BKS |                               |
| 5. | Ông <b>Nguyễn Cao Sơn</b>   | Thành viên BKS | ( Miễn nhiệm ngày 29/04/2021) |

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bao gồm 02 thành viên: 01 Tổng giám đốc và 01 Phó tổng giám đốc.

Tổng giám đốc là người quản lý, giám sát và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau :

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (*nếu có*) cho người lao động trong Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

***Danh sách Ban Tổng giám đốc:***

- |    |                           |               |                             |
|----|---------------------------|---------------|-----------------------------|
| 1. | Ông <b>Nguyễn Văn Bút</b> | Tổng giám đốc | ( Bổ nhiệm ngày 29/04/2021) |
|----|---------------------------|---------------|-----------------------------|

**PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**

Phòng Tổ chức – Hành chính có chức năng giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc điều hành trong công tác tổ chức, nhân sự, tổ chức sắp xếp, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực; khen thưởng kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; công tác đối ngoại, đối nội quản trị hành chính văn phòng và văn thư lưu trữ trong phạm vi toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác tổ chức;
- Công tác cán bộ và đào tạo;
- Công tác lao động và tiền lương;
- Công tác khen thưởng, kỷ luật;
- Công tác hành chính, bảo vệ, y tế.

**PHÒNG THIẾT BỊ KỸ THUẬT**

Phòng thiết bị kỹ thuật có chức năng chính về công tác quản lý cơ giới, vật tư của Công ty đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả xe máy thiết bị và sử dụng vật tư tiết kiệm. Mua sắm và chịu trách nhiệm về mặt định mức tiêu hao nhiên liệu, quản lý bảo dưỡng kỹ thuật xe máy thiết bị thi công hiệu quả cao nhất. Trực tiếp phụ trách công tác vệ sinh an toàn và bảo hộ lao động của Công ty. Tham mưu giúp việc cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc về công tác quy hoạch, thiết kế, tổ chức, lập biện pháp thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, dự án công ty tham gia, giám sát toàn bộ công tác kỹ thuật, thi công, chất lượng các dự án, hạng mục thi công, sản phẩm sản xuất của Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập quy hoạch, thiết kế, bản vẽ kỹ thuật dự án, công trình;
- Kiểm tra, phân tích bản vẽ thiết kế các dự án, công trình công ty tham gia đấu thầu, thi công;
- Tính toán, bóc tách các loại vật liệu từ bản vẽ thiết kế thi công được duyệt;
- Tổ chức, lập biện pháp thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, đúng kỹ thuật;
- Giám sát, điều hành công tác kỹ thuật, thi công tại hiện trường;
- Xây dựng, ban hành các quy định về quản lý chất lượng, quy trình đảm bảo kỹ thuật;
- Lập các báo cáo khối lượng thi công, tiến độ chi tiết các dự án, công trình theo yêu cầu quản lý;
- Tổ chức đơn đốc công tác nghiệm thu, bàn giao, lập hồ sơ thu vốn theo đúng yêu cầu, tiến độ;

**PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ**

Phòng vật tư thiết bị có chức năng chính về công tác quản lý cơ giới, vật tư của Công ty đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả xe máy thiết bị và sử dụng vật tư tiết kiệm. Mua sắm và chịu trách nhiệm về mặt định mức tiêu hao nhiên liệu, quản lý bảo dưỡng kỹ thuật xe máy thiết bị thi công hiệu quả cao nhất

- Mua sắm vật tư, thiết bị cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, áp dụng các hình thức đấu thầu, chọn thầu đảm bảo mua được vật tư, máy móc thiết bị với chi phí thấp nhất, hiệu quả sử dụng cao nhất;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, giá cả công năng của các vật tư mua về;
- Theo dõi việc sử dụng vật tư đúng định mức, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả;
- Lập hồ sơ, lý lịch máy móc, thiết bị. Theo dõi việc bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa tiêu hao nhiên liệu của từng máy móc thiết bị;
- Là đầu mối quản lý toàn bộ hệ thống máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động SXKD của Công ty;
- Báo cáo định kỳ về việc mua sắm và sử dụng vật tư, thiết bị, tình trạng kỹ thuật hoạt động của từng xe máy, thiết bị;
- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người lao động mới vào làm việc và theo định kỳ;
- Tổ chức, theo dõi cấp phát và sử dụng trang thiết bị, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động đảm bảo sản xuất phải an toàn;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp quản lý và theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

### **PHÒNG KINH TẾ TỔNG HỢP**

Phòng Kinh tế tổng hợp có chức năng tham mưu, tư vấn giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong các công tác: quản lý kinh tế; quản lý kế hoạch; đầu tư; tiếp thị, đấu thầu, thị trường; kỹ thuật phân xây lắp; thiết lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh, các kế hoạch đầu tư dự án một cách hiệu quả và khả thi. Tổ chức khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế kinh doanh của Công ty, nghiên cứu thị trường, xây dựng chính sách bán hàng, phát triển mạng lưới thiêu thụ và chăm sóc khách hàng. Giám sát, nghiệm thu công trình thi công phần xây lắp đảm bảo đúng chất lượng và tiến độ theo đúng hồ sơ thiết kế. Xây dựng và ban hành định mức, đơn giá cho từng hạng mục công việc. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác quản lý kinh tế đối với các công trình Công ty thi công;
- Công tác định mức, đơn giá tiền lương;
- Công tác hợp đồng kinh tế;
- Công tác hạch toán kinh doanh;
- Công tác kế hoạch;
- Công tác đầu tư;
- Công tác tiếp thị đấu thầu;

### **PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc về công tác tài chính kế toán, tín dụng, hạch toán kinh doanh trong toàn Công ty, điều tiết các nguồn lực tài chính, khai thác và sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm mục tiêu phát triển chung toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:



- Lập kế hoạch tài chính, huy động vốn, sử dụng phân phối vốn;
- Thu thập, phân loại và xử lý tổng hợp số liệu, thông tin về hoạt động SXKD;
- Phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty một cách đầy đủ, trung thực và kịp thời;
- Phát hành một số chứng từ theo mẫu bắt buộc của Nhà nước như: Hóa đơn giá trị gia tăng, giấy nộp tiền vào ngân sách ...;
- Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán;
- Tổng hợp số liệu và lập các báo cáo kế toán theo quy định;
- Lập các báo cáo đột xuất thuộc lĩnh vực tài chính kế toán theo yêu cầu của Tổng công ty và lãnh đạo Công ty;
- Tổ chức đơn đốc công tác thu tiền bán hàng, quản lý và thu hồi công nợ;
- Phân tích, so sánh tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, năm.

#### Các Công ty liên kết:

TT	Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP Sông Đà 7.02	Xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Xây lắp và sản xuất công nghiệp	<b>41.746.413.455</b>	34,81

#### 4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Sông Đà 7 xác định rõ mục tiêu: Bảo tồn nguồn vốn hiện có.
- Tập trung chỉ đạo, thực hiện quyết liệt, dứt điểm công tác thu hồi công nợ từ Tổng công ty Sông Đà – Công ty Cổ phần. Trong trường hợp cần thiết có thể thuê bên thứ ba tiến hành khởi kiện.
- Thanh lý hợp đồng các công trình đơn vị đã thi công.
- Tập trung thực hiện công tác tiếp thị đấu thầu phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty khi có điều kiện thích hợp;
- Tìm hiểu thị trường để tham gia góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, cụm khu công nghiệp;

#### 5. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

- **RỦI RO VỀ KINH TẾ**

Trong năm 2022, kinh tế thế giới đầy biến động và thách thức do xung đột chính trị và phản ứng chính sách của các nước nhằm đối phó với lạm phát. Kinh tế Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Điều này có ảnh hưởng rất lớn tới Công ty cổ phần Sông Đà 7.04 trong việc tìm kiếm việc làm.

Để hạn chế những ảnh hưởng từ rủi ro về kinh tế, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 luôn cập nhật và theo dõi sát sao các diễn biến của thị trường trong nước và thế giới để đảm bảo phản ứng linh hoạt và kịp thời trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra

### ***Tốc độ tăng trưởng kinh tế***

Kinh tế Việt Nam trong năm 2022 gặt hái được nhiều thành tựu đáng kể, kinh tế Việt Nam đã có một “bộ phóng” tốt khi tăng trưởng GDP thuộc diện cao nhất trên thế giới, đồng thời được đánh giá cao về kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, xu hướng tăng trưởng đang chậm lại và những khó khăn xuất hiện ngày càng nhiều kể từ nửa cuối năm 2022. Với mức tăng trưởng kinh tế trong nước như vậy, các lĩnh vực hoạt động trong nền kinh tế cũng bị ảnh hưởng rất lớn tác động trực tiếp tới các doanh nghiệp trong từng ngành, từng lĩnh vực. Như vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng, thay đổi rất lớn tới cơ hội tìm kiếm việc làm mới của Sông Đà 7.

### ***Lạm phát***

Lạm phát cơ bản bình quân cả năm 2022 tăng 2,59%, thấp hơn mức lạm phát tổng thể. Tuy nhiên, lạm phát cơ bản liên tục tăng cao từ quý III-2022, đặc biệt trong quý IV-2022, thậm chí còn đạt các mức kỷ lục 4,47%, 4,81% và 4,99% trong các tháng 10, 11 và 12-2022 so với cùng kỳ năm 2021. Diễn biến lạm phát cơ bản trong những tháng gần đây đã vượt “thông lệ” khoảng 2% mà Việt Nam cố gắng giữ kể từ năm 2015 đến nay, cao hơn cả mức lạm phát cơ bản cuối năm 2019 - nửa đầu năm 2020 (đạt mức đỉnh 3,25% vào tháng 1-2020; trung bình năm 2020 là 2,31%). Vào những tháng cuối năm 2022, áp lực lạm phát phần nào được kiềm chế bởi những nỗ lực điều hành quyết liệt, linh hoạt và có trọng tâm của Chính phủ. Công tác tháo gỡ khó khăn đối với nguồn cung xăng dầu trong nước được đẩy nhanh. Nỗ lực ổn định tỷ giá đã giúp giảm áp lực lạm phát và kỳ vọng lạm phát. Với các chỉ số và các dấu hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong đó có Sông Đà 7.

### ***Lãi suất***

Năm 2022 là 1 năm mà lãi suất có nhiều biến động khó lường. Lãi suất tăng cao vào các tháng cuối năm làm ảnh hưởng rất lớn tới nền kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Việc lãi suất tăng cao làm giá thành sản xuất và chi phí tài chính tăng mạnh. Hiện nay Công ty CP Sông Đà 7 đang tạm thời không sử dụng vốn vay của các tổ chức tín dụng, Vì vậy hiện tại Công ty CP Sông Đà 7 chưa bị ảnh hưởng rủi ro về lãi suất.

## **▪ RỦI RO VỀ MẶT LUẬT PHÁP**

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 là Công ty đại chúng và tham gia thị trường chứng khoán tập trung,

mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 đều chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cũng như các doanh nghiệp khác được thành lập, hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Sông Đà 7 cần có thời gian để tiếp cận và tiến hành quản lý doanh nghiệp theo tất cả các quy định Pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, ... đang còn thiếu tính đồng bộ, nhất quán và thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Do vậy, việc nắm bắt và thực thi của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

#### ▪ **RỦI RO VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

Việc cổ phiếu Sông Đà 7 được giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung sẽ đem lại những lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Công ty có thể quảng bá hình ảnh, thương hiệu cũng như uy tín của mình; tăng cường tính thanh khoản của cổ phiếu; tạo điều kiện cho Công ty tiếp cận thêm nguồn vốn dài hạn thông qua TTCK; hướng đến việc chuẩn hóa minh bạch hơn trong công tác quản trị, điều hành theo mô hình quản trị Công ty hiện đại.

Tuy nhiên, những biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là khó tránh khỏi. Trên thực tế giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như cung - cầu cổ phiếu; tình hình kinh tế - xã hội; sự thay đổi về chính sách kinh tế, các quy định pháp luật về chứng khoán; tâm lý của nhà đầu tư... Sự biến động của giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị của Công ty.

#### ▪ **RỦI RO KHÁC**

Các rủi ro khác như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn... luôn là những rủi ro tiềm ẩn tác động trực tiếp đến tiến độ thi công của Công ty. Những biến động này làm giảm tốc độ thi công, gây thiệt hại cho công trình.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

#### **• Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 đạt được như sau:

- Cho thuê văn phòng làm việc tại tầng 7 tòa nhà Sông Đà quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội;
- Thu được 1 phần công nợ phải thu, Giải quyết được 1 số tồn tại tại các công trình đơn vị tham gia thi công.
- Hoàn thành 1 phần nghĩa vụ nợ với Cục thuế tỉnh Sơn La.
- Cho vay vốn tạm thời nhân rồi chưa sử dụng tới
- Thực hiện sắp xếp lại, đổi mới mô hình hoạt động, tinh giảm đội ngũ cán bộ quản lý, nghiệp vụ

---

#### **Trang 11**

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiêu khu 5, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: [www.songda7.com.vn](http://www.songda7.com.vn)

để tiết giảm chi phí quản lý.

- **Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Năm 2022 Công ty cổ phần Sông Đà 7 không đạt được kế hoạch đề ra do không tìm kiếm được việc làm mới dẫn đến Công ty không có phát sinh doanh thu mới từ hoạt động SXKD ngoài trừ doanh thu có được từ hoạt động cho thuê văn phòng tại tầng 7 tòa Nhà HH4 – Mỹ Đình – Nam Từ Liêm – Hà Nội.

## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- **Danh sách Ban điều hành**

- **Ông Nguyễn Văn Bút – Tổng giám đốc**

- Họ và tên : Nguyễn Văn Bút
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 01/09/1958
- Nơi sinh : Văn Phú - Thường Tín - Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 113389811 do công an Hòa Bình cấp ngày 29/03/2007
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Văn Phú – Thường Tín – Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú : Tổ 18 phường Phúc La – Quận Hà Đông – Thành Phố Hà Nội.
- Trình độ văn hóa : 10/0
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế tạo máy.
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ 1983 - 1984 : Nhân viên phòng quản lý cơ giới Công ty CP Sông Đà 7.
  - ✓ Từ 1985 – 1986 : Phó phòng QLCG – Công ty CP Sông Đà 7.
  - ✓ Từ 1987 – 1989 : Phó quản đốc phân xưởng bê tông Công ty CP Sông Đà 7
  - ✓ Từ 1990 – 1993 : Phó giám đốc xí nghiệp Đá Hoa.
  - ✓ Từ 1993 – 1994 : Đội trưởng đội lắp máy chi nhánh YALY- Công ty CP Sông Đà 7
  - ✓ Từ 1994 – 2001 : Trưởng phòng quản lý Cơ giới Công ty CP Sông Đà 7.
  - ✓ Từ 2002 – 2021 : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.
  - ✓ Từ 2021 – Nay : Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Tổng giám đốc Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- **Ông Nguyễn Cao Sơn - Phó Tổng giám đốc**
  - Họ và tên : Nguyễn Cao Sơn
  - Giới tính : Nam

- Ngày, tháng, năm sinh : 30/08/1982
- Nơi sinh : Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 111631612
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ xây dựng công trình thủy lợi.
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ 2000 – 2005 : Học tại trường Đại Học Thủy Lợi;
  - ✓ Từ T07/2005 – T03/2010 : Chuyên viên kỹ thuật tại Ban điều hành dự án thủy điện Tuyên Quang;
  - ✓ Từ T03/2010 – T11/2011 : Trưởng phòng quản lý kỹ thuật Thi công an toàn Công trình thủy điện Lai Châu;
  - ✓ Từ T11/2011 – T06/2013 : Chuyên viên BĐH thi công nhà Quốc Hội – Tập đoàn Sông Đà
  - ✓ Từ T06/2013 – T08/2020 : Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ - Công ty cổ phần Sông Đà 7
  - ✓ Từ T08/2020 – Nay : Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu SD7 đang nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2023) : 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- **Ông Đặng Quang Hiệu - Kế toán trưởng**
  - Họ và tên: **Đặng Quang Hiệu**
  - Giới tính: Nam
  - Số CCCD: 034084011049 Ngày cấp: 10/10/2018
  - Ngày tháng năm sinh: 20/02/1984
  - Nơi sinh: Hoa Nam, Đông Hưng, Thái Bình
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Hoa Nam, Đông Hưng, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ 270C- CT6C – Khu đô thị Bemes Phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, TP Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán,
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ 09/2009 – T04/2011: Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán Công ty Sông Đà 7.04;
  - ✓ Từ 05/2011 – T06-2012 : Kế toán trưởng chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Lai Châu;
  - ✓ Từ 07/2012 – T12/2014: Phó phòng tài chính kế toán Công ty CP Sông Đà 7.04;
  - ✓ Từ 04/2015 – T12/2015: Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty CP Sông Đà 7;
  - ✓ Từ 01/2016 – T06/2016: Phó kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7;
  - ✓ Từ T07/2016 – T12/2016: Quyền kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7;
  - ✓ Từ T01/2017 - Nay : Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng BKS Công ty CP Sông Đà 7.04
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 30/03/2023*): **0** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 30/03/2023*): **0** cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- **Những thay đổi trong Ban điều hành: Không**
- **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tổng số lao động bình quân năm 2022 là 21 người. Do chưa tìm được công việc mới nên Công ty chỉ giữ lại những lao động cốt cán để giữ người. Khi tìm kiếm được việc làm mới Công ty sẽ thực hiện tuyển dụng thêm để đáp ứng theo yêu cầu.

- **Chính sách đối với người lao động:**

**Chế độ làm việc**

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Luật

Lao động. Đối với CBCNV đã làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. CBCNV được nghỉ ốm 03 ngày (*không liên tục*) trong năm và được hưởng nguyên lương. CBCNV được hưởng các chế độ BHXH, BHYT theo quy định của nhà nước.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

### **Chính sách tuyển dụng, thu hút nhân tài**

Căn cứ vào nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng cho phù hợp. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, v.v... .

Với chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của SĐ7 luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ mới cho các cán bộ kỹ thuật.

Chính sách tuyển dụng hợp lý, kết hợp với kế hoạch đào tạo và trau dồi thường xuyên cho CBCNV đã góp phần giúp Sông Đà 7 duy trì một nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo lợi thế cạnh tranh vững chắc để Công ty có thể tự tin mở rộng hơn nữa các hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng nói chung và ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng.

### **Chính sách lương thưởng, phúc lợi**

Hệ thống lương của Sông Đà 7 được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm và chủ yếu là dựa vào hiệu quả công việc của từng cá nhân và kết quả hoạt động kinh doanh của từng thời kỳ. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước.

Định kỳ, người lao động trong Công ty được hưởng lương và được xem xét nâng bậc lương căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Với mục tiêu động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Hình thức khen thưởng được áp dụng bao gồm khen thưởng bằng vật chất, tuyên dương trước

tập thể, tổ chức các chuyến du lịch, tập huấn trong và ngoài nước, v.v... .

Bên cạnh đó, việc xử lý cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty cũng được Sông Đà 7 thực hiện chặt chẽ. Nhờ đó đã giúp Sông Đà 7 tạo dựng một môi trường làm việc nghiêm túc và có tinh thần thi đua cao trong toàn Công ty.

### ***Chế độ bảo hiểm và phúc lợi***

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động luôn được Công ty thực hiện đầy đủ theo các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của CBCN, giúp người lao động yên tâm trong công tác.

Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Công ty cũng rất chú trọng tới các chế độ đãi ngộ khác dành cho người lao động. Công ty đã xây dựng và đẩy mạnh các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi cũng như đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên. Trong năm, công ty tổ chức thực hiện các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, tặng quà cho nhân viên nhân dịp sinh nhật, kết hôn, tổ chức gặp mặt, tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân dịp 1-6, Trung Thu...

Những hoạt động này đã tạo nên nét văn hóa đặc trưng của Sông Đà 7, mang lại sự gắn kết giữa các CBCNV cũng như giữa CBCNV với Công ty.

### ***Chính sách cổ tức***

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ 2005. Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHCĐ quyết định.

## **3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN**

- **Các khoản đầu tư lớn:** Trong năm 2022 Công ty không phát sinh thêm khoản đầu tư mới nào.
- **Các công ty liên kết**

Hiện tại công ty cổ phần Sông Đà 7 chỉ có 1 công ty liên kết duy nhất là Công ty cổ phần Sông Đà 7.02

- Công ty CP Sông Đà 7.02 có vốn điều lệ 120.000.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Trong năm 2018 Công ty đã hoàn thành đưa dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu đi vào phát điện thương mại từ tháng 07/2018 và bước đầu thu được hiệu quả.

Trước năm 2015 hoạt động chính của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 là xây lắp, sản xuất công nghiệp tại các dự án thủy điện Sơn La, Bản Chát, Sứ Pán 2 và các phát sinh khối lượng, giá trị dở dang, công nợ phải thu tại các dự án này đến nay vẫn chưa được quyết toán, thu hồi dứt điểm. Từ năm 2015 đến nay Công ty CP Sông Đà 7.02 chỉ tập trung vào việc đầu tư và thực hiện dự án



#### 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- Tình hình tài chính**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng giá trị tài sản	198.090.405.234	211.313.244.541
2	Doanh thu thuần	1.060.833.299	2.650.028.846
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.063.498.418)	15.195.996.723
4	Lợi nhuận khác	(54.603.881)	(14.187.974)
5	Lợi nhuận trước thuế	(1.118.102.299)	15.181.808.749
6	Lợi nhuận sau thuế	(1.118.102.299)	15.181.808.749
7	Tỷ lệ cổ tức	0%	0%

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	1,96	1,97
-	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,94	1,93
2	Chỉ tiêu cơ cấu vốn			

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,39	0,36
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,64	0,55
3	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(1,05)	5,7
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	(1)%	11%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	(0,56)%	7%

## 5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- **Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 10.600.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.600.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có.

- **Cơ cấu cổ đông:**

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2022:

<b>TT</b>	<b>Cổ đông</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số CMND/ ĐKKD</b>	<b>Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ (%)</b>
1	Nguyễn Hữu Doanh	Villa 1-07,KNO & TTTM phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP Hà Nội	001068013252	2.602.100	<b>24,54%</b>
2	Công ty cổ phần thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	Thôn Lán Tranh, xã Đưng Knó, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	5800519428	2.500.000	23,58%
3	Nguyễn Trọng Khoa	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	001089032438	800.000	7,55%
	<b>Tổng cộng</b>			<b>5.902.100</b>	<b>55,68%</b>

### **Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 27/03/2023:**

- Tại ngày 27/03/2023 Cổ đông trong nước nắm giữ 10.526.809 cổ phần chiếm tỷ lệ 99,309%.
- Cổ đông nước ngoài nắm giữ 73.191 cổ phần chiếm 0,691%.

**Trang 18**

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiêu khu 5, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

- Tại ngày 29/03/2023 cổ đông là tổ chức nắm giữ : 2.513.644 cổ phần chiếm tỷ lệ 23,714%. Cổ đông là cá nhân nắm giữ 8.086.356 cổ phần chiếm 76,286%.

- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không
- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Trong năm 2023 Công ty không có hoạt động giao dịch cổ phiếu quỹ.
- **Giao dịch chứng khoán khác:** Không.

### **III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn đối với Công ty CP Sông Đà 7 các dự án Thủy điện lớn đã không còn trong khi Thủy điện Lai Châu đi vào phát điện. Khó khăn lớn nhất của Công ty là vốn ít, Công ty bị thua lỗ liên tiếp, công tác tìm kiếm công việc chưa đạt hiệu quả ảnh hưởng đến thu nhập và việc làm của CBCNV. Nguyên nhân chính dẫn đến việc Tổng giá trị sản xuất kinh doanh và doanh thu không đạt so với kế hoạch là do:

- Công tác tìm kiếm việc làm phù hợp với điều kiện doanh nghiệp gặp khó khăn.
- Việc tổ chức tìm kiếm việc làm, đấu thầu các dự án, công trình mới gặp rất nhiều khó khăn do trước đây công ty chủ yếu được làm các công trình chỉ định thầu và hoạt động tại địa bàn vùng sâu vùng xa.
- Một số công trình đã thi công xong từ lâu nhưng do chủ đầu tư thiếu vốn thanh toán nên công nợ phải thu còn rất lớn. Điều này làm Công ty không có nguồn tài chính thanh toán cho khách hàng, nộp thuế.
- Toàn bộ các công trình công ty tham gia thi công, sản xuất vật liệu đều đi vào giai đoạn hoàn thành và chuyển giao sang vận hành thương mại.
- Nguồn tài chính khó khăn do không thu hồi được công nợ.

#### **2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

- **Tình hình tài sản**

Tổng tài sản trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 là 211,3 tỷ đồng trong đó tài sản ngắn hạn 148,57 tỷ đồng chiếm 70,308% trong đó lớn nhất là công nợ phải thu khách hàng 55,705 tỷ đồng như vậy công ty đang bị các khách hàng chiếm dụng vốn với giá trị lớn và trong thời gian dài ảnh hưởng rất lớn tới tài chính Công ty. Trong năm 2022 giá trị Tổng tài sản tăng so với thời điểm 01/01/2022 là 13 tỷ đồng nguyên nhân chính là trong năm công ty thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư tài chính là 16,9 tỷ đồng.

Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tổng tài sản			
-	Hiệu suất sử dụng tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân trong kỳ)		0,005	0,013
-	Hệ số sinh lợi tổng tài sản (Lợi nhuận trước thuế và lãi vay/Tổng tài sản bình quân trong kỳ)		(0,005	0,07
2	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tài sản ngắn hạn			
-	Hiệu suất sử dụng Tài sản ngắn hạn (Doanh thu thuần/Tài sản ngắn hạn bình quân trong kỳ)		0,0068	0,018
-	Vòng quay Tài sản ngắn hạn (Giá vốn hàng bán/Tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	0,0076	0,009
-	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	396	289,908
-	Kỳ thu tiền bình quân (Các khoản phải thu bình quân/Doanh thu thuần)*360 ngày	Ngày	46.470	10.906
3	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tài sản dài hạn			
-	Hiệu suất sử dụng Tài sản dài hạn (Doanh thu thuần/Tài sản dài hạn bình quân)		0,023	0,048

Năm 2022 Công ty không tìm kiếm được việc làm mới chỉ có doanh thu thu được từ cho thuê nhà tại tầng 7 HH4 . Điều này thể hiện Ban điều hành công ty chưa phát huy được hết năng lực của các loại tài sản của công ty, điều này được thể hiện rất rõ qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản nêu trên. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản đều ở mức rất thấp cho thấy việc sử dụng tài sản chưa tạo ra được nhiều doanh thu và lợi nhuận tương ứng với quy mô hiện có của tài sản.

- **Tình hình nợ phải trả**

Tính đến 31/12/2022 nợ phải trả của Công ty là 75,361 tỷ đồng giảm 2 tỷ đồng so với đầu năm, toàn bộ số nợ phải trả này chủ yếu là nợ ngắn hạn và có khả năng trả nợ.

## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

Ban điều hành Công ty đánh giá năm 2023 là một năm vô cùng khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bởi một số nguyên nhân:

- Việc đấu thầu, tiếp thị tìm kiếm công việc mới gặp khó khăn do Công ty trước đây chủ yếu tham gia dự án theo hình thức chỉ định thầu và hoạt động tại địa bàn vùng sâu vùng xa.

- Tình hình tài chính khó khăn do không thu hồi được công nợ .

Trước tình hình như vậy, Ban điều hành Công ty đề ra những mục tiêu cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và những năm tiếp theo như sau:

- Sông Đà 7 xác định rõ mục tiêu: Bảo tồn nguồn vốn hiện có.
- Tập trung chỉ đạo, thực hiện quyết liệt, dứt điểm công tác thu hồi công nợ từ Tổng công ty Sông Đà – Công ty Cổ phần. Trong trường hợp cần thiết có thể thuê bên thứ ba tiến hành khởi kiện.
- Thanh lý hợp đồng các công trình đơn vị đã thi công.
- Tập trung thực hiện công tác tiếp thị đấu thầu phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty khi có điều kiện thích hợp;
- Tìm kiếm cơ hội để đầu tư hoặc liên doanh sản xuất vật liệu xây dựng;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, vận hành sản xuất điện thương phẩm của nhà máy đảm bảo năng suất, hiệu quả cao thông qua quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Sông Đà 70.2.
- Tập trung giám sát, đôn đốc Công ty CP Sông Đà 7.02 thực hiện quá trình đầu tư, tổ chức thi công đúng tiến độ đề ra của dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 1.

### 3. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Đối với ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 3103223.027/BCTC.KT5 ngày 31/03/2023 do Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC thực hiện Ban Tổng giám đốc đánh giá và cho rằng:

#### **Giải trình lợi nhuận năm 2022 biến động hơn 10% so với năm 2021:**

- Năm 2022 Công ty CP Sông Đà 7 hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Đà 7.02 với giá trị là 16.843.844.655 đồng nên dẫn đến Kết quả hoạt động kinh doanh biến động hơn 10% so với cùng kỳ năm ngoái.

#### **Giải trình ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán:**

- Khoản cho đơn vị khác vay: Hiện tại Công ty chưa tìm được công việc phù hợp và tạm thời có nguồn vốn nhàn rỗi nên Công ty cho các đơn vị khác vay để nhằm mục đích mang lại hiệu quả. Công ty đã ghi nhận đầy đủ doanh thu tài chính nhưng chưa thực hiện thu tiền. Ban lãnh đạo Công ty cam kết chắc chắn sẽ thu hồi đầy đủ tiền cho vay.
- Khoản trích lập dự phòng: Đối với khoản dự phòng đầu tư tài chính Công ty đã trích lập đầy đủ tuy nhiên còn khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 qua phân tích đánh giá về nguy cơ rủi ro trên nhiều khía cạnh. Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng đối với khoản đầu tư này trong năm 2022 với giá trị là 16.843.844.655 đồng. Các năm tài chính tiếp theo Công ty sẽ tiếp tục điều chỉnh khoản dự phòng cho phù hợp. Đối với các khoản công nợ phải thu khác Công ty nhận thấy khả năng thu hồi cao nên không trích lập dự phòng với các khoản này.
- Về xác nhận chưa đầy đủ công nợ phải thu phải trả: Trước đây công ty thực hiện thi công tại các

Công trình trọng điểm Quốc gia nên các nhà cung cấp đến từ nhiều địa bàn khác nhau và ở xa nên việc đối chiếu bị chậm trễ. Đối với Công nợ phải thu thì chủ yếu là các Tổng công ty nhà nước nên việc đối chiếu và thu hồi công nợ gặp rất nhiều khó khăn. Công ty cam kết tất cả các khoản công nợ là những khoản có phát sinh thực. Công ty sẽ tiếp tục giải quyết những tồn đọng này trong thời gian tới.

- Khoản đầu tư uỷ thác của các cá nhân: Đây là khoản đầu tư của các cá nhân là cán bộ công nhân viên của công ty và các đơn vị thành viên, là khoản đầu tư của các Công ty chưa niêm yết.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**

- Công tác quản lý toàn diện các mặt của Công ty như: Quản lý vốn, quản lý tài sản, quản lý chất lượng, tiến độ công trình, quản lý đầu tư, quản lý lao động. Theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Trong quá trình hoạt động SXKD, Hội đồng quản trị và bộ máy quản lý điều hành của Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

##### **2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022, Ban lãnh đạo cùng tập thể CBCNV Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã nỗ lực phấn đấu lao động sản xuất tại các công trình, dự án của Đơn vị. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan, nên hoạt động SXKD của Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, nguyên nhân chủ yếu như: Các công trình chỉ định thầu Đơn vị tham gia đã kết thúc; Công ty đang trong giai đoạn tập trung cơ cấu lại tổ chức hoạt động và quyết toán, thu vốn tại các công trình; Công ty chưa tìm kiếm được việc làm mới...

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 đạt được như sau:

- Hoàn thành công tác quyết toán tại các công trình trọng điểm như: Thủy điện Lai Châu, thủy điện Huội Quảng.
- Thực hiện sắp xếp lại, đổi mới mô hình hoạt động, tinh giảm đội ngũ cán bộ quản lý, nghiệp vụ để tiết giảm chi phí quản lý.
- Thu hồi được 1 phần công nợ từ tổng các BDH thuộc Tổng công ty Sông Đà

##### **3. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Thu hồi dứt điểm công nợ tồn đọng với Tổng Công ty Sông Đà – Công ty Cổ phần tại Công trình

thủy điện Huội Quảng, Nậm Chiến...

- Tìm kiếm cơ hội hợp tác để sản xuất vật liệu xây dựng.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, vận hành sản xuất điện thương phẩm của nhà máy đảm bảo năng suất, hiệu quả cao thông qua quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP thủy điện Cao Nguyên-Sông Đà 7 và Công ty CP Sông Đà 70.2.
- Tập trung giám sát, đôn đốc Công ty CP Sông Đà 7.02 thực hiện quá trình đầu tư, tổ chức thi công đúng tiến độ đề ra của dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 1.
- Chủ động cân đối đủ nguồn lực tài chính phục vụ đầu tư, thi công tại các công trình của đơn vị.
- Tìm kiếm địa điểm phù hợp để đầu tư mua đất xây trụ sở Công ty và cho thuê.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

**Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị:**

- Họ và tên : Nguyễn Hữu Doanh
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 03/09/1968
- Nơi sinh : Thanh Văn – Thanh Oai – Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 001068013252 do Cục cảnh sát cấp ngày 14/03/2018
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Văn – Thanh Oai – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Hà Cầu – Hà Đông - Hà Nội.
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng.
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ T07/1987 – 12/1994: Công ty XD Công trình ngầm – Tổng công ty Sông Đà.
  - ✓ Từ T01/1995 – 12/1996 : Công ty XD Sông Đà 8 – Tổng Công ty Sông Đà
  - ✓ Từ T03/1997-T06/2002: Học Đại học xây dựng
  - ✓ Từ T07/2002 – 01/2004 : Đội trưởng đội xây lắp số 1 – Công ty CP Sông Đà 7
  - ✓ Từ T02/2004 – 12/2007 : Giám đốc XN Sông Đà 7.04 – Công ty CP Sông Đà 7
  - ✓ Từ T01/2008 – T7/2010 : Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
  - ✓ Từ T08/2010 – T05/2012 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04

- ✓ Từ T05/2012 –T04/2016 : Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
- ✓ Từ T05/2016 – T07/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
- ✓ Từ T08/2020 – Nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 7.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Số cổ phần Sở Hữu: tính đến ngày 27/03/2023: 2.602.100 cổ phần

**Thành Viên Hội Đồng quản trị:**

● **Thành viên thứ nhất**

- Họ và tên : Trần Văn Tài
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 09/03/1979
- Nơi sinh : Phạm Tân – Ngô Quyền – Thanh Miện – Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phạm Tân – Ngô Quyền – Thanh Miện – Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : Phạm Tân – Ngô Quyền – Thanh Miện – Hải Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện.
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ 2004-2007: Công tác tại Xí nghiệp Bê Tông – Công ty CP Sông Đà 7
  - ✓ Từ 2008-2011: Trưởng phòng Quản lý vật tư cơ giới – Công ty CP Sông Đà 7.04
  - ✓ Từ 2011-2012: Giám đốc chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Lai Châu
  - ✓ Từ 2013 – T08/2015 : Phó Phòng Vật tư thiết bị - Công ty CP Sông Đà 7
  - ✓ Từ T9/2015- nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Chức vụ tại Công ty khác: Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

● **Thành viên thứ Hai**

- Họ và tên : Quát Văn Quang
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 04/08/1979
- Nơi sinh : Thanh Lâm – Lục Nam – Bắc Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh



- Quê quán : Thanh Lâm – Lục Nam – Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú : Dự án Tổng cục 5 Bộ Công an, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện.
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ 2003-T04/2004: Kỹ thuật – Công ty Lắp Máy Lilama;
  - ✓ Từ T04/2004- T11/2004: Nhân viên Phòng cơ giới Vật tư Công ty CP Sông Đà 5
  - ✓ Từ T12/2004 – T11/2013: Trưởng ban Vật tư cơ giới XN Sông Đà 5.03- Công ty CP Sông Đà 5;
  - ✓ Từ T01/2013 – Nay : Trưởng phòng cơ giới – Vật tư Sông Đà 7.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Chức vụ tại Công ty khác: Thành viên BKS Công ty CP Sông Đà 7.04.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Stt	Họ và Tên	Chức Danh	Tỷ lệ sở hữu	Chức danh nắm giữ tại Công ty khác
1	Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch HĐQT	24,55%	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 7 - Chủ tịch Công ty CP Sông Đà 7.04
2	Trần Văn Tài	Thành viên HĐQT	0%	- Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
3	Quát Văn Quang	Thành viên HĐQT	0%	- Thành viên BKS Công ty CP Sông Đà 7.04.

- **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:** Không
- **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không
- **Hoạt động của Hội đồng quản trị**
  - Hoạt động của Hội đồng quản trị:
    - + Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty.
    - + Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai Kế hoạch SXKD năm 2023 và các nội dung khác để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023 thông qua.
    - + Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tiếp tục tập trung thu vốn tại các công trình: Thủy điện Huội Quảng; Thủy điện Nậm Chiến; Thủy điện Lai Châu...và các công trình dự án mà công ty tham gia để phục vụ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị:
    - + Trong năm 2022 HĐQT đã ban hành 2 Nghị quyết, 03 Quyết định với các nội dung chủ yếu

sau:

- + Nghị quyết phê duyệt phương án cho vay vốn lưu động
- + Lựa chọn đơn vị kiểm toán.
- + Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
- + Quyết định Phê duyệt và ban hành Quy chế trả lương, thưởng, phụ cấp và các chế độ phúc lợi cho người lao động thuộc khối gián tiếp cơ quan Công ty cổ phần Sông Đà 7
- + Quyết định nâng bậc lương.
- + **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:** Công ty chưa có thành viên hội đồng quản trị độc lập.

• **Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Đơn vị đào tạo
1	Nguyễn Hữu Doanh	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	Trường Đại học quốc gia Hà Nội

## 2. BAN KIỂM SOÁT

• **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Stt	Họ và Tên	Chức Danh	Ngày bắt đầu /không còn là TV BKS	Tỷ lệ sở hữu	Chức danh nắm giữ tại Công ty khác
1	Nguyễn Thế Hoàng	Trưởng BKS	29/04/2021	0%	- Kế toán Công ty bê Tông Phương Nam
2	Bùi Phan Thanh	TV BKS	29/04/2021	0%	- ThKế ành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 7
3	Nguyễn Anh Lam	TV BKS	29/04/2021	0%	- Phó giám đốc Công ty CP Bê Tông Việt Nam

• **Thay đổi thành viên Ban kiểm soát: Không**

• **Hoạt động của Ban kiểm soát**

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

- + Năm 2022, Ban kiểm soát công ty đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát toàn diện các lĩnh vực hoạt động của công ty, đảm bảo mọi hoạt động của công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

- + Kiểm tra rà soát lại các văn bản quản lý nội bộ đã ban hành đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật mới ban hành và tình hình phát triển của công ty.
- + Kiểm tra các tờ trình của Tổng giám đốc, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo tính phù hợp về thẩm quyền trong công việc ra quyết định. Tham gia đóng góp ý kiến và thực hiện vai trò kiểm soát toàn diện (kiểm tra, giám sát trước, trong và sau hoạt động); nhận diện và kiểm soát các rủi ro tiềm ẩn trong nội bộ hoặc ngoài công ty.
- + Thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của công ty; đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty tại thời điểm báo cáo.
- + Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành; báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2022 và các tài liệu khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua. Xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do tổ chức kiểm toán độc lập phát hành.

- Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

- + Trong năm 2022 các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác về cơ bản đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và pháp luật có liên quan; đảm bảo lợi ích hợp pháp của công ty và cổ đông của công ty.
- + Công tác chỉ đạo của Hội đồng quản trị mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn, đồng thời chỉ đạo sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh.
- + Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc điều hành trong việc thực hiện và áp dụng các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành. Sửa đổi, bổ sung kịp thời các văn bản quản lý nội bộ đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình phát triển của công ty.
- + Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.
- + Năm 2022 Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch 2022 đề ra, cụ thể như sau: - Trong năm Công ty không tìm kiếm được việc làm mới, việc thu hồi công nợ chưa đạt được theo kỳ vọng...
- + Báo cáo của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã phản ánh đúng tình hình hoạt động và đầu tư của công ty trong năm 2022.

### **3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

- Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên	Chức Danh	Lương	Thù Lao	Lợi ích khác
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch HĐQT	373.880.473	0	0
2	Quát Văn Quang	Thành viên HĐQT	286.449.498	0	0
3	Trần Văn Tài	Thành viên HĐQT	0	0	0
<b>II</b>	<b>Ban điều hành</b>				
1	Nguyễn Văn Bút	Tổng giám đốc	334.874.964	0	0
2	Nguyễn Cao Sơn	Phó Tổng giám đốc	376.201.464	0	0
<b>III</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Nguyễn Thế Hoàng	Trưởng BKS	20.000.000	0	0
2	Bùi Phan Thanh	TV BKS	173.789.950	0	0
3	Nguyễn Anh Lam	TVBKS	20.000000	0	0

- **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:** Không.
- **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người liên quan:**

Đơn vị tính: Đồng

Giao dịch phát sinh trong năm:		Mối quan hệ	Năm 2022
<b>Lãi cho vay</b>			
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	448.109.132

Số dư với các bên liên quan như sau:		Mối quan hệ	31/12/2022
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>			
-	Công ty cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	1.844.492.012

Trang 28

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

Tiêu khu 5, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

<b>Phải thu về cho vay</b>			
	Công ty cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	5.100.000.000
<b>Phải thu khác:</b>			
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	1.271.367.123
-	Công ty CP Sông Đà 7.04	Cùng chủ tịch	238.929.090

- **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sông Đà 7**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Trong năm 2018 và năm 2020, Công ty ghi nhận vào khoản mục "Thu nhập khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các khoản chi phí trích trước liên quan đến thực hiện dự án thủy điện của một số nhà cung cấp với số tiền lần lượt là 4.261.156.496 VND và 1.199.430.847 VND. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đang cho vay với tổng số tiền là 41.300.000.000 VND (thuyết minh số 7), số lãi vay phải thu tại ngày này là 5.108.037.899 VND (thuyết minh số 8). Các khoản vay này đã được Công ty cho vay từ lâu và gia hạn nhiều lần. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được khả năng thu hồi các khoản gốc vay và lãi vay này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ phải thu này hay không.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 với số tiền là 4.174.641.345 VND (tại thời điểm 01/01/2022 là 20.887.030.000 VND). Tại ngày 31/12/2022 khoản lỗ lũy kế của S72 là 6,38 tỷ VND. Ngoài ra, Kiểm toán viên của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 đã nêu ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty này do ảnh hưởng của các vấn đề như ghi nhận thiếu chi phí khấu hao, và tính hiện hữu của các khoản ủy thác đầu tư. Do đó, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng để đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến số dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm đầu năm và cuối năm cần trích lập trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022, Công ty trích lập thiếu dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu số tiền lần lượt là 8.867.079.449 VND và 6.393.285.946 VND. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" (Mã số 137) đang phản ánh thiếu đồng thời chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022 phản ánh thừa với số tiền lần lượt là 8.867.079.449 VND và 6.393.285.946 VND; đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (Mã số 26) năm 2021 và 2022 phản ánh thừa số tiền lần lượt là 1.226.408.870 VND và 2.473.793.503 VND.

Tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022, các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ với số tiền lần lượt là 12.198.229.497 VND và 11.852.167.274 VND. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản mục nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh chỉ tiêu này và các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính kèm theo hay không.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đang phản ánh các khoản nhận ủy thác đầu tư tại chỉ tiêu "Phải trả dài hạn khác" của Bảng cân đối kế toán với tổng số tiền là 2.881.737.250 VND (thuyết minh số 15). Số tiền này đã được Công ty đầu tư vào các đơn vị khác (ghi chú số v, thuyết minh số 4b). Đồng thời khoản "Phải trả tiền bán cổ phiếu ủy thác" với số tiền là 1.004.001.291 VND (thuyết minh số 15) là số tiền Công ty phải trả cho các nhân sau khi đã bán cổ phiếu ủy thác. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp về vấn đề này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Phạm Anh Tuấn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2023-002-1  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**Hoàng Thúy Nga**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0762-2023-002-1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2022****Công ty Cổ phần Sông Đà 7**

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*

<b>Mã số</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>01/01/2022 VND</b>
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>148.570.455.360</b>	<b>151.592.637.404</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.261.613.759	12.185.863.546
111	1. Tiền		4.261.613.759	12.185.863.546
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	20.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		121.809.681.608	136.778.443.024
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	55.705.733.565	104.865.135.791
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.159.533.391	2.159.533.391
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	41.300.000.000	24.300.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	42.085.135.216	24.517.027.338
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(19.440.720.564)	(19.063.253.496)
140	IV. Hàng tồn kho		4.480.000	4.480.000
141	1. Hàng tồn kho		4.480.000	4.480.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.494.679.993	2.623.850.834
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.385.443.378	1.538.603.919
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	1.109.236.615	1.085.246.915
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>62.742.789.181</b>	<b>46.497.767.830</b>
220	I. Tài sản cố định		224.694.917	224.694.917
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	224.694.917	224.694.917
222	- Nguyên giá		3.541.317.610	3.541.317.610
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.316.622.693)	(3.316.622.693)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	4	45.201.929.110	28.358.084.455
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		41.746.413.455	41.746.413.455
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.340.758.778	14.340.758.778
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(10.885.243.123)	(27.729.087.778)
260	III. Tài sản dài hạn khác		17.316.165.154	17.914.988.458
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	17.316.165.154	17.914.988.458
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>211.313.244.541</b>	<b>198.090.405.234</b>

Trang 32

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

Tiểu khu 5, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

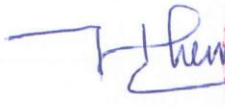


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>75.362.443.895</b>	<b>77.321.413.337</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>70.398.725.645</b>	<b>74.199.432.337</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	23.471.547.251	23.817.609.474
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		269.107.800	269.107.800
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.142.943.627	5.070.693.405
314	4. Phải trả người lao động		757.529.910	1.284.166.549
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	29.339.780.805	29.339.780.805
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	12.417.816.252	14.418.074.304
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.963.718.250</b>	<b>3.121.981.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	4.963.718.250	3.121.981.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>135.950.800.646</b>	<b>120.768.991.897</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>135.950.800.646</b>	<b>120.768.991.897</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		106.000.000.000	106.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		106.000.000.000	106.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		13.064.931.325	13.064.931.325
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.885.869.321	1.704.060.572
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.704.060.572	2.822.162.871
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		15.181.808.749	(1.118.102.299)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>211.313.244.541</b>	<b>198.090.405.234</b>




Hoàng Thị Huệ  
Người lập biểu




Đặng Quang Hiệu  
Kế toán trưởng

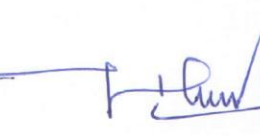


  
Nguyễn Hữu Doanh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Sơn La, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2022**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	2.952.868.274	4.643.847.109
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	302.839.428	3.583.013.810
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.650.028.846	1.060.833.299
11	4. Giá vốn hàng bán	20	1.298.791.336	1.775.449.465
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.351.237.510	(714.616.166)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.277.641.173	3.539.570.563
22	7. Chi phí tài chính	22	(16.843.844.655)	(973.440.000)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	6.276.726.615	4.861.892.815
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.195.996.723	(1.063.498.418)
31	10. Thu nhập khác		-	648.033.035
32	11. Chi phí khác	24	14.187.974	702.636.916
40	12. Lợi nhuận khác		(14.187.974)	(54.603.881)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.181.808.749	(1.118.102.299)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>15.181.808.749</u>	<u>(1.118.102.299)</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	1.432	(105)

  
**Hoàng Thị Huệ**  
Người lập biểu

  
**Đặng Quang Hiệu**  
Kế toán trưởng



  
**Nguyễn Hữu Doanh**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Sơn La, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2022**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>15.181.808.749</b>	<b>(1.118.102.299)</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>(19.123.445.456)</b>	<b>(4.550.550.895)</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		598.823.304	598.823.304
03	- Các khoản dự phòng		(16.466.377.587)	(973.440.000)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.255.891.173)	(4.175.934.199)
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(3.941.636.707)</b>	<b>(5.668.653.194)</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		33.624.544.032	12.922.729.830
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(1.958.969.442)	(5.211.419.074)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>27.723.937.883</b>	<b>2.042.657.562</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	636.363.636
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(38.500.000.000)	(9.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		1.500.000.000	8.200.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.351.812.330	318.327.582
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(35.648.187.670)</b>	<b>154.691.218</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(7.924.249.787)</b>	<b>2.197.348.780</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12.185.863.546	9.988.514.766
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<b>4.261.613.759</b>	<b>12.185.863.546</b>

**Hoàng Thị Huệ**  
Người lập biểu

**Đặng Quang Hiệu**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hữu Doanh**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Sơn La, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2022**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Sông Đà 7 thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty là: Song Da 7 Joint Stocks Company, viết tắt là Song Da 7.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5400105091, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18/07/2019 (đăng ký lần đầu số 224.03.000081 ngày 29/12/2005) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

Trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty tại: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La. Hiện nay, Công ty được đặt tại: Số 36 - V5A, Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 106.000.000.000 đồng; tương đương 10.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 25 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 18 người).

**Lĩnh vực kinh doanh:** Xây lắp và sản xuất công nghiệp.

**Ngành nghề kinh doanh:** Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là cho thuê bất động sản.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục thực hiện hoạt động kinh doanh chủ yếu là cho thuê bất động sản. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn với tổng số tiền là 16.843.844.655 VND. Đây là nguyên nhân chủ yếu khiến cho Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng cao so với năm trước.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn Phòng Công ty	Thành phố Hà Nội	Cho thuê bất động sản
Chi nhánh Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Xây lắp công trình dân dụng

Thông tin về công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12

hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của Chi nhánh Hà Nội hạch toán phụ thuộc và Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

## **2.4 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.5 Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng hoặc tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá

trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng hoặc tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Công ty xác định dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo xét đoán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty về khả năng tổn thất có thể xảy ra.

## 2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm

## 2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty là: Chi phí thuê dài hạn trả tiền một lần đối với phần diện tích tầng 7 tòa nhà Tổng Công ty Sông Đà tại Lô HH 4 Mễ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng còn lại là 40 năm từ thời điểm nhận bàn giao sử dụng (quý 3 năm 2011).

**2.11 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.12 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thi công, chi phí thí nghiệm và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm tài chính. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.14 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **2.15 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giá trị giảm giá xây lắp theo quyết toán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

### **2.16 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **2.17 Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm là dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

#### **a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### **b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành**

Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

### **2.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



**2.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.
- Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.21 Thông tin bộ phận**

Do hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm 2022 là cho thuê mặt bằng tại tầng 7 tại tháp B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	63.021.517	43.217.490
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.198.592.242	12.142.646.056
	<b>4.261.613.759</b>	<b>12.185.863.546</b>

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**  
**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	20.000.000.000	-	-	-
	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Đông Đô có lãi suất từ 8,9%/năm đến 9,5%/năm.

Mã CK	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá gốc	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
<b>b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>				
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>41.746.413.455</b>	<b>(4.174.641.345)</b>	<b>41.746.413.455</b>	<b>(20.887.030.000)</b>
- Công ty CP Sông Đà 7.02 (i)	41.746.413.455	(4.174.641.345)	41.746.413.455	(20.887.030.000)
<b>Các khoản đầu tư khác</b>	<b>14.340.758.778</b>	<b>(6.710.601.778)</b>	<b>14.340.758.778</b>	<b>(6.842.057.778)</b>
Các khoản đầu tư khác do Công ty góp vốn	9.377.040.528	(6.710.601.778)	9.377.040.528	(6.842.057.778)
- Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam (ii)	5.051.000.000	(5.051.000.000)	5.051.000.000	(5.051.000.000)
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà (iii)	1.100.000.000	(1.100.000.000)	1.100.000.000	(1.100.000.000)
- Công ty CP Sông Đà 7.04 (iv)	2.737.777.778	(559.601.778)	2.737.777.778	(691.057.778)
- Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	488.262.750	-	488.262.750	-
Các khoản đầu tư khác được ủy thác đầu tư	4.963.718.250	-	4.963.718.250	-
- Công ty CP Thủy điện Nậm He (v)	3.370.000.000	-	3.370.000.000	-
- Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam (v)	1.009.400.000	-	1.009.400.000	-
- Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7 (v)	584.318.250	-	584.318.250	-
	<b>56.087.172.233</b>	<b>(10.885.243.123)</b>	<b>56.087.172.233</b>	<b>(27.729.087.778)</b>

Đối với các khoản đầu tư này Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(i) Tại ngày 31/12/2021, Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Đà 7.02 (mã cổ phiếu S72) dựa trên giá đóng cửa trên sàn giao dịch UPCOM. Tại ngày 31/12/2022, Công ty đang trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Đà 7.02 căn cứ vào giá trị ước tính có thể thu hồi được của khoản đầu tư.

**Công ty Cổ phần Sông Đà 7**

Địa chỉ: Thị trấn It Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(ii) Tại ngày 31/12/2022, Công ty đang trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam dựa trên Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty này.

(iii) Tại ngày 31/12/2022, theo thông tin từ Tổng Cục thuế - Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà, mã số thuế 5700646454 đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế. Đồng thời, Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty này tại ngày 31/12/2022, do đó Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư 100% đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà.

(iv) Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04: Giá trị hợp lý tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 của khoản đầu tư tài chính này được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liên kế gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

(v) Đây là số cổ phần mà Công ty nhận ủy thác từ Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và các cá nhân trước đây từng làm việc tại Công ty theo các hợp đồng ủy thác. Theo đó, các cá nhân và tổ chức này chuyển tiền để Công ty thực hiện giao dịch mua bán cổ phiếu, phần lãi (lỗ) từ khoản đầu tư chứng khoán sẽ trực tiếp thuộc về các cá nhân và tổ chức nêu trên. Do đó, Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư tài chính này. Số tiền Công ty nhận ủy thác của các nhân được theo dõi trên khoản mục phải trả khác (chi tiết tại thuyết minh 15).

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ lợi ích (*)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Tỉnh Lai Châu	4.177.406	34,81%	34,81%	Thủy điện
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>					
Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ lợi ích (*)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam	Thành phố Hà Nội	562.700	4,33%	19,00%	Sản xuất và kinh doanh sắt xộp phôi
Công ty CP Thủy điện Nậm He	Tỉnh Điện Biên	300.000	0,00%	2,31%	Thủy điện
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	Tỉnh Quảng Ninh	114.058	0,95%	0,95%	Thủy điện
Công ty CP Sông Đà 7.04	Tỉnh Sơn La	249.600	3,85%	3,85%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	Tỉnh Lâm Đồng	107.258	0,42%	15,98%	Xây dựng

(\*) Tỷ lệ lợi ích chỉ tính trên giá trị của khoản đầu tư do Công ty góp vốn (không tính giá trị được ủy thác).

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>1.844.492.012</b>	-	<b>1.844.492.012</b>	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	1.844.492.012	-	1.844.492.012	-
<b>Bên khác</b>	<b>53.861.241.553</b>	<b>(1.444.555.075)</b>	<b>103.020.643.779</b>	<b>(1.352.587.186)</b>
Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	12.001.487.006	-	20.027.256.297	-
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La - Công trình Thủy điện Sơn La	6.805.672.549	-	9.407.438.502	-
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La - Công trình Thủy điện Nậm Chiến	26.181.587.033	-	61.965.535.880	-
Ban Quản lý dự án thủy điện 1	-	-	1.586.565.351	-
Các đối tượng khác	8.872.494.965	(1.444.555.075)	10.033.847.749	(1.352.587.186)
	<b>55.705.733.565</b>	<b>(1.444.555.075)</b>	<b>104.865.135.791</b>	<b>(1.352.587.186)</b>

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>	<b>2.159.533.391</b>	<b>(1.624.907.661)</b>	<b>2.159.533.391</b>	<b>(1.392.145.500)</b>
Công ty TNHH Tư vấn & Xây dựng Ý Tưởng	213.180.000	(213.180.000)	213.180.000	(213.180.000)
Các đối tượng khác	1.946.353.391	(1.411.727.661)	1.946.353.391	(1.178.965.500)
	<b>2.159.533.391</b>	<b>(1.624.907.661)</b>	<b>2.159.533.391</b>	<b>(1.392.145.500)</b>

**Công ty Cổ phần Sông Đà 7**

Địa chỉ: Thị trấn It Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>						
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 (i)	5.100.000.000	-	-	-	5.100.000.000	-
	5.100.000.000	-			5.100.000.000	-
<b>Bên khác</b>						
Công ty TNHH Thương mại Sông Đà Miền Bắc (ii)	19.200.000.000	-	18.500.000.000	1.500.000.000	36.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Việt Dứng (iii)	12.200.000.000	-	17.000.000.000	-	29.200.000.000	-
	7.000.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	7.000.000.000	-
	<b>24.300.000.000</b>	-	<b>18.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>41.300.000.000</b>	-

(i) Phải thu về cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 theo hợp đồng số: 01/2019/HĐVV/SĐ7.02-SĐ7 ngày 20/12/2019 với mục đích hỗ trợ Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày cho vay, lãi suất 10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2022 là 5.100.000.000 VND. Hiện nay 2 bên chưa ký phụ lục gia hạn hợp đồng.

(ii) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/NQ/CT-HĐQT ngày 28/10/2020 của Công ty, Hội đồng quản trị đã phê duyệt phương án cho Công ty TNHH Thương mại Sông Đà Miền Bắc vay vốn lưu động, thông tin cụ thể theo hợp đồng số: 01/2020/HĐVV/MB-SĐ 7 ngày 30/10/2020 như sau:

- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh.
- Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày cho vay và được gia hạn theo thỏa thuận.
- Lãi suất 7,5%/năm.
- Số dư cho vay tại ngày 31/12/2022 là 29.200.000.000 VND.

(iii) Theo hợp đồng cho vay số 01/2021/HĐVV/MIETDUNG-SĐ7 ngày 09/03/2021 và Hợp đồng cho vay số 02/2021/HĐVV/MIETDUNG-SĐ7 ngày 25/05/2021, Công ty thực hiện cho công ty Cổ phần Việt Dứng vay vốn với tổng giá trị các khoản vay tại 31/12/2022 là 7.000.000.000 VND

- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh.
- Thời hạn cho vay là 5 tháng kể từ ngày cho vay và được gia hạn theo thỏa thuận.
- Lãi suất 9,6%/năm.

**8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Chi tiết theo nội dung</b>				
Phải thu về tạm ứng	9.724.011.540	-	3.708.411.540	-
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	6.000.000	-
Phải thu khác	32.355.123.676	(16.371.257.828)	20.802.615.798	(16.318.520.810)
- Tiền tạm ứng các đối tượng đã nghỉ việc	10.463.289.145	(10.410.052.127)	10.463.289.145	(10.410.052.127)
- Bà Trần Thị Tuyết - Tiền chuyển nhượng cổ phần (i)	1.025.000.000	(1.025.000.000)	1.025.000.000	(1.025.000.000)
- Công ty CP Sông Đà 7.05 - Tiền ứng vốn SXKD (ii)	4.751.036.818	(4.751.036.818)	4.751.036.818	(4.751.036.818)
- Phải thu lãi cho vay	5.108.037.899	-	2.903.959.056	-
- Tiền cổ tức phải thu Cao Nguyên Sông Đà 7	17.283.925	-	317.283.925	-
- Các khoản phải thu khác	10.990.475.889	(185.168.883)	1.342.046.854	(132.431.865)
	<b>42.085.135.216</b>	<b>(16.371.257.828)</b>	<b>24.517.027.338</b>	<b>(16.318.520.810)</b>
<b>Chi tiết theo đối tượng Bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	1.719.476.255	-	1.271.367.123	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	238.929.090	-	238.929.090	-
<b>Bên khác</b>				
Công ty CP Sông Đà 8 (iii)	9.385.714.800	-	-	-
Công ty CP Sông Đà 7.05 (ii)	4.751.036.818	(4.751.036.818)	4.751.036.818	(4.751.036.818)
Đối tượng khác	25.989.978.253	(11.620.221.010)	18.255.694.307	(11.567.483.992)
	<b>42.085.135.216</b>	<b>(16.371.257.828)</b>	<b>24.517.027.338</b>	<b>(16.318.520.810)</b>

(i) Khoản phải thu Bà Trần Thị Tuyết về chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Giang theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 06/2010/HĐCNCP từ năm 2010.

(ii) Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Sông Đà 7.05 vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến thời điểm 31/12/2022 Công ty không tính lãi khoản vay này.

(iii) Khoản tiền thanh toán hộ tiền vật tư cho Công ty CP Sông Đà 8 tại Công trình thủy điện Nậm Chiến.

**9 NỢ XẤU**

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	8.550.857.473	7.106.302.398	8.434.818.527	7.082.231.341
Trả trước cho người bán	1.624.907.661	-	1.392.145.500	-
Phải thu khác	16.371.757.828	500.000	16.319.020.810	500.000
- Công ty CP Sông Đà 7.05	4.751.036.818	-	4.751.036.818	-
- Bà Trần Thị Tuyết	1.025.000.000	-	1.025.000.000	-
- Các đối tượng đã nghỉ việc	10.377.552.127	500.000	10.377.552.127	500.000
- Các đối tượng khác	218.168.883	-	165.431.865	-
	<b>26.547.522.962</b>	<b>7.106.802.398</b>	<b>26.145.984.837</b>	<b>7.082.731.341</b>

**10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	3.267.950.995	273.366.615	3.541.317.610
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.267.950.995</b>	<b>273.366.615</b>	<b>3.541.317.610</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	3.043.256.078	273.366.615	3.316.622.693
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.043.256.078</b>	<b>273.366.615</b>	<b>3.316.622.693</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	224.694.917	-	224.694.917
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>224.694.917</b>	<b>-</b>	<b>224.694.917</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 3.121.237.612 VND (tại ngày 01/01/2022 là 3.121.237.612 VND)

**11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền thuê dài hạn văn phòng làm việc (i)	17.316.165.154	17.914.988.458
	<b>17.316.165.154</b>	<b>17.914.988.458</b>

(i) Chi phí thuê dài hạn trả tiền một lần đối với phần diện tích tầng 7 tòa nhà Tổng Công ty Sông Đà tại Lô HH 4 Mễ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội cho thời gian sử dụng còn lại là 40 năm từ thời điểm nhận bàn giao sử dụng (quý 3 năm 2011).

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>	<b>23.471.547.251</b>	<b>23.471.547.251</b>	<b>23.817.609.474</b>	<b>23.817.609.474</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Bắc	1.852.865.364	1.852.865.364	2.292.865.364	2.292.865.364
Doanh nghiệp tư nhân Hoà Bình	1.300.916.698	1.300.916.698	1.300.916.698	1.300.916.698
Các đối tượng khác	20.317.765.189	20.317.765.189	20.223.827.412	20.223.827.412
	<b>23.471.547.251</b>	<b>23.471.547.251</b>	<b>23.817.609.474</b>	<b>23.817.609.474</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Bắc	1.852.865.364	1.852.865.364	2.292.865.364	2.292.865.364
Doanh nghiệp tư nhân Hoà Bình	1.300.916.698	1.300.916.698	1.300.916.698	1.300.916.698
Phải trả cho các đối tượng khác	7.318.735.351	7.318.735.351	6.141.158.326	6.141.158.326
	<b>10.472.517.413</b>	<b>10.472.517.413</b>	<b>9.734.940.388</b>	<b>9.734.940.388</b>



**Công ty Cổ phần Sông Đà 7**

Địa chỉ: Thị trấn It Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.085.246.915	2.000.000	-	-	1.085.246.915	2.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.367.998	-	-	-	14.367.998
Thuế thu nhập cá nhân	-	303.270.537	38.440.141	64.440.957	23.989.700	301.259.421
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	4.751.054.870	-	925.738.662	-	3.825.316.208
	<b>1.085.246.915</b>	<b>5.070.693.405</b>	<b>41.440.141</b>	<b>993.179.619</b>	<b>1.109.236.615</b>	<b>4.142.943.627</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN**

Chi phí lãi vay		
Trích trước chi phí thi công		
- Chi phí thi công công trình Thủy điện Lai Châu	3.948.032.009	3.948.032.009
- Chi phí thi công công trình Thủy điện Nậm Chiến	25.331.748.796	25.331.748.796
- Chi phí thi công công trình Thủy điện Bản Chát	2.578.145.154	2.578.145.154
- Chi phí thi công công trình Thủy điện khác	14.010.353.022	14.010.353.022
Chi phí phải trả khác	3.970.382.039	3.970.382.039
	4.772.868.581	4.772.868.581
	60.000.000	60.000.000
	<b>29.339.780.805</b>	<b>29.339.780.805</b>

**Trong đó Chi phí phải trả quá hạn**

Chi phí lãi vay

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
	3.948.032.009	3.948.032.009
	25.331.748.796	25.331.748.796
	2.578.145.154	2.578.145.154
	14.010.353.022	14.010.353.022
	3.970.382.039	3.970.382.039
	4.772.868.581	4.772.868.581
	60.000.000	60.000.000
	<b>29.339.780.805</b>	<b>29.339.780.805</b>
	<b>3.948.032.009</b>	<b>3.948.032.009</b>
	<b>3.948.032.009</b>	<b>3.948.032.009</b>

**15 PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	1.304.528.278	1.304.480.080
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	706.675.200	699.844.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.406.612.774	12.413.750.024
- Cổ tức phải trả	193.382.640	193.382.640
- Tiền cổ tức nhận ủy thác đầu tư	1.076.941.435	1.076.941.435
- Phải trả Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát	1.030.951.682	1.030.951.682
- Tiền thưởng phải trả	849.000.000	849.000.000
- Phải trả tiền ủy thác mua cổ phần của CBCNV (i)	-	1.841.737.250
- Phải trả tiền bán cổ phiếu ủy thác (i)	1.004.001.291	1.148.501.291
- Ban Điều hành Thủy điện Sơn La	3.583.013.810	3.583.013.810
- Phải trả khác	2.669.321.916	2.690.221.916
	<b>12.417.816.252</b>	<b>14.418.074.304</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Phải trả Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tiền ủy thác mua cổ phần (i)	2.881.737.250	1.040.000.000
Phải trả CBCNV tiền ủy thác mua cổ phần (i)	2.081.981.000	2.081.981.000
	<b>4.963.718.250</b>	<b>3.121.981.000</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
Cổ tức phải trả	193.382.640	193.382.640
Tiền cổ tức nhận ủy thác đầu tư	1.076.941.435	1.076.941.435
Phải trả Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát	1.030.951.682	1.030.951.682
Tiền thưởng phải trả	849.000.000	849.000.000
Phải trả các đối tượng khác	123.530.712	123.530.712
	<b>3.273.806.469</b>	<b>3.273.806.469</b>

(i) Đây là số tiền mà Công ty nhận ủy thác từ Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và các cá nhân trước đây từng làm việc tại Công ty theo các hợp đồng ủy thác. Theo đó, các cá nhân và tổ chức này chuyển tiền để Công ty thực hiện giao dịch mua bán cổ phần, phần lãi (lỗ) từ khoản đầu tư sẽ trực tiếp thuộc về các cá nhân và tổ chức nêu trên (xem thuyết minh số 04).

**16 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	106.000.000.000	13.064.931.325	2.822.162.871	121.887.094.196
Lỗi trong năm trước	-	-	(1.118.102.299)	(1.118.102.299)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>106.000.000.000</b>	<b>13.064.931.325</b>	<b>1.704.060.572</b>	<b>120.768.991.897</b>
Lãi trong năm nay	-	-	15.181.808.749	15.181.808.749
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>106.000.000.000</b>	<b>13.064.931.325</b>	<b>16.885.869.321</b>	<b>135.950.800.646</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Hữu Doanh	26.021.000.000	24,55	26.021.000.000	24,55
Ông Nguyễn Trọng Khoa	8.000.000.000	7,55	8.000.000.000	7,55
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	25.000.000.000	23,58	25.000.000.000	23,58
Các cổ đông khác	46.979.000.000	44,32	46.979.000.000	44,32
	<b>106.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>106.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	106.000.000.000	106.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	106.000.000.000	106.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.600.000	10.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.600.000	10.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.600.000	10.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.600.000	10.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.600.000	10.600.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

**e) Các quỹ của Công ty**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	13.064.931.325	13.064.931.325
	<b>13.064.931.325</b>	<b>13.064.931.325</b>

**17 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty đang cho thuê tầng 7, tháp B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo các hợp đồng số 08/2019/HĐTN/SĐ7-NTQ ngày 08/10/2019 với diện tích là 803 m<sup>2</sup>; đơn giá cho thuê bao gồm cả thuế là 345.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	3.022.200.000	2.353.720.000
Từ 1 năm đến 5 năm	3.525.900.000	1.469.460.000

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn	90.653.941.746	90.653.941.746

**18 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	279.412.800	1.707.408.820
Doanh thu cho thuê bất động sản	2.673.455.474	2.536.438.289
Doanh thu bán hàng hóa	-	400.000.000
	<b><u>2.952.868.274</u></b>	<b><u>4.643.847.109</u></b>

**19 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá trị giảm giá xây lắp theo quyết toán (i)	302.839.428	3.583.013.810
	<b><u>302.839.428</u></b>	<b><u>3.583.013.810</u></b>

(i) Đây là phần giảm giá thi công xây dựng theo quyết toán với chủ đầu tư là Ban Điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu tại Công trình thủy điện Lai Châu.

**20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cho thuê bất động sản	1.298.791.336	1.425.449.465
Giá vốn bán hàng hóa	-	350.000.000
	<b><u>1.298.791.336</u></b>	<b><u>1.775.449.465</u></b>

**21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.255.891.173	3.222.286.638
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	317.283.925
Doanh thu hoạt động tài chính khác	21.750.000	-
	<b><u>3.277.641.173</u></b>	<b><u>3.539.570.563</u></b>
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	448.109.132	1.271.367.123

**22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(16.843.844.655)	(973.440.000)
	<b>(16.843.844.655)</b>	<b>(973.440.000)</b>

**23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	391.120.427	277.998.067
Chi phí nhân công	4.484.924.723	3.974.834.035
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	59.507.901	39.960.989
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	25.297.686
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	377.467.068	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	700.335.332	272.638.823
Chi phí khác bằng tiền	260.371.164	271.163.215
	<b>6.276.726.615</b>	<b>4.861.892.815</b>

**24 CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế	443.974	4.961.697
Chi tiền tài trợ xây dựng công trình Bạch Nao An Viên	-	300.000.000
Chi phí sửa chữa công trình đã thi công	-	373.447.252
Các khoản khác	13.744.000	24.227.967
	<b>14.187.974</b>	<b>702.636.916</b>

**25 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	15.181.808.749	(1.118.102.299)
Các khoản điều chỉnh tăng	443.974	304.961.697
- Chi phí không được trừ	443.974	4.961.697
- Chi tiền tài trợ xây dựng công trình Bạch Nao An Viên	-	300.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(317.283.925)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(317.283.925)
Lỗi kết chuyển	(15.182.252.723)	
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(1.130.424.527)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	14.367.998	14.367.998
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>14.367.998</b>	<b>14.367.998</b>

**26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.181.808.749	(1.118.102.299)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.181.808.749	(1.118.102.299)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.600.000	10.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.432</b>	<b>(105)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	391.120.427	277.998.067
Chi phí nhân công	4.484.924.723	3.974.834.035
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	59.507.901	39.960.989
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	25.297.686
Chi phí dự phòng	377.467.068	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.999.126.668	1.698.088.288
Chi phí khác bằng tiền	260.371.164	271.163.215
	<b>7.575.517.951</b>	<b>6.287.342.280</b>

**28. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Đồ Gỗ Yên Sơn cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc theo Hợp đồng số 11/2016/SĐ7-XMMB/ĐHCNVG ngày 02/08/2016. Giao dịch đã được hoàn thành theo quy định.

Tuy nhiên, theo Phụ lục Hợp đồng số 02/2016/02/2016/PLHĐ/ SĐ7-XMMB ngày 02/08/2016, Công ty Cổ phần Sông Đà 7 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc số tiền là 1.597.129.556 VND - chênh lệch giữa khoản nợ phải trả của Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn tại thời điểm chuyển nhượng và phần được Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc chấp nhận thanh toán.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các bên chưa có Biên bản làm việc thống nhất về nghĩa vụ thanh toán khoản công nợ này. Do đó, Công ty chưa ghi nhận khoản phải trả này vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

**29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 30 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Cùng chủ tịch HĐQT

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Lãi cho vay</b>	<b>448.109.132</b>	<b>1.271.367.123</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	448.109.132	1.271.367.123

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:


	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch HĐQT	373.880.473	214.332.848
Ông Quát Văn Quang	Thành viên HĐQT	286.449.498	174.558.573
Ông Đặng Quang Hiệu	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/4/2021)	-	111.630.845
Ông Nguyễn Văn Long	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/4/2021)	-	124.798.709
Ông Nguyễn Văn Bút	Tổng giám đốc	334.874.964	165.272.727
Ông Nguyễn Cao Sơn	Phó Tổng Giám đốc	376.201.464	229.576.618
Ông Nguyễn Thế Hoàng	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)	20.000.000	-
Ông Bùi Phan Thanh	Kiểm soát viên (Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)	173.789.950	-
Ông Nguyễn Anh Lam	Kiểm soát viên	20.000.000	-

Ngoài các giao dịch và số dư nêu trên các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

  
Hoàng Thị Huệ  
Người lập biểu

  
Đặng Quang Hiệu  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Hữu Doanh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Sơn La, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2023  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**



**Nguyễn Hữu Doanh**

---

**Trang 56**

**Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiêu khu 5, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: [www.songda7.com.vn](http://www.songda7.com.vn)